

Số: **04** /2023/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày **17** tháng **3** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2023.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG TW;
- Các Bộ, ngành: KHĐT, TC, NNPTNT, LĐTĐ, UBĐT;
- Cục Kiểm tra Văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- V;
- Công báo tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Th6.

(Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Trọng Hải

QUY ĐỊNH

Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về cơ chế quay vòng bằng hình thức tiền mặt đối với một phần vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc quy định thu hồi một phần kinh phí hỗ trợ luân chuyển trong cộng đồng trên địa bàn thực hiện dự án nhằm nâng cao trách nhiệm của từng hộ, bảo đảm nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được tham gia thực hiện dự án.

2. Việc quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ để luân chuyển trên địa bàn thực hiện dự án phải đảm bảo phù hợp với từng dự án và điều kiện cụ thể của từng hộ tại địa phương.

3. Thực hiện công khai minh bạch, đúng trình tự, thủ tục luân chuyển và thu hồi vốn hỗ trợ để luân chuyển.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tỷ lệ quay vòng và thời gian thu hồi vốn quay vòng

1. Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền mặt.

2. Tỷ lệ quay vòng (Tỷ lệ thu hồi theo số vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện dự án).

a) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn đặc biệt khó khăn: Tỷ lệ thu hồi vốn 10% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng tham gia dự án thuộc diện hỗ trợ theo quy định.

b) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn khó khăn: Tỷ lệ thu hồi vốn 15% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng tham gia dự án thuộc diện hỗ trợ theo quy định.

c) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn còn lại: Tỷ lệ thu hồi vốn 20% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng tham gia dự án thuộc diện hỗ trợ theo quy định.

3. Thời gian thu hồi: Tối đa không quá 03 tháng kể từ khi kết thúc dự án.

4. Xử lý rủi ro

a) Trường hợp trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không có hiệu quả do các nguyên nhân khách quan (*Như: thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác*) dẫn đến không có kết quả đầu ra theo kế hoạch, người có thẩm quyền phê duyệt dự án xem xét, quyết định việc thu hẹp phạm vi hoặc tạm dừng dự án và tạm dừng quay vòng, thu hồi kinh phí theo thẩm quyền.

- Trường hợp thiệt hại từ 30% đến 70% do các nguyên nhân đã nêu tại điểm a, khoản này theo biên bản xác nhận của Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất quy định tại điểm b mục 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Tỷ lệ thu hồi tính trên kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng tham gia dự án thuộc diện hỗ trợ còn lại sau thiệt hại; thời gian gia hạn thu hồi kinh phí hỗ trợ tối đa 12 tháng.

- Trường hợp thiệt hại từ 70% trở lên do các nguyên nhân đã nêu tại điểm a, khoản này theo biên bản xác nhận của Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất quy định tại điểm b mục 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Không thu hồi kinh phí hỗ trợ.

b) Khi rủi ro xảy ra, chủ hộ gia đình phải báo cáo ngay với Trưởng tổ nhóm; Trưởng tổ nhóm báo cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất để tiến hành lập biên bản tại chỗ xác định rõ nguyên nhân (*Khách quan, chủ quan*), quy trách nhiệm (*Căn cứ nội quy, cam kết của các thành viên nhóm*) và tổ chức bán tận thu (*Nếu có*); thành phần tham gia gồm: Chủ hộ; Trưởng tổ nhóm; đại diện cơ quan, đơn vị được giao vốn; UBND cấp xã, UBND cấp huyện và đại diện phòng, đơn vị chuyên môn cấp huyện. Biên bản lập song gửi UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

c) Biên bản xác định mức độ thiệt hại: Thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 5. Quản lý, sử dụng kinh phí quay vòng và trình tự luân chuyển kinh phí quay vòng

1. Quản lý, sử dụng kinh phí quay vòng

a) Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển.

b) UBND xã và cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ mở sổ theo dõi riêng các khoản quay vòng, luân chuyển.

c) Nguồn vốn quay vòng được nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ mở tại Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng để sử dụng quay vòng cho các hộ theo mục tiêu của dự án.

d) Trường hợp dự án kết thúc, không thực hiện quay vòng, luân chuyển, không tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất hoặc Chương trình mục tiêu quốc gia kết thúc giai đoạn 2021-2025, thì cơ quan đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước số kinh phí còn lại thực thu hồi được từ dự án.

đ) Việc quản lý và sử dụng Quỹ quay vòng vốn phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng trình tự, tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng quỹ và quy định tại Quyết định này.

2. Trình tự luân chuyển kinh phí quay vòng

a) Hằng năm căn cứ dự toán kinh phí sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia và số kinh phí thu hồi của các dự án (*Nguồn vốn quay vòng*): Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế trình Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là UBND cấp huyện) phân bổ kinh phí thực hiện các dự án mới được phê duyệt trong năm (*Bao gồm kinh phí Ngân sách nhà nước hỗ trợ và số dư nguồn kinh phí quay vòng*).

b) Kinh phí thu hồi thuộc dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng được quản lý theo xã và ưu tiên phân bổ tiếp tục thực hiện các dự án mới trên địa bàn xã đó (*Trường hợp xã có nhu cầu*).

c) Kết thúc dự án, trên cơ sở đề xuất của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và UBND cấp xã được giao là đầu mối hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thu hồi số kinh phí quay vòng thực hiện dự án làm cơ sở để các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã, cộng đồng dân cư lưu hồ sơ quản lý, dự án, phục vụ công tác kiểm tra, giám sát sau này.

Điều 6. Quy trình theo dõi, giám sát

1. Theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ đầu tư thực hiện theo dõi, giám sát hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, luân chuyển

vốn trong cộng đồng của từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai trên địa bàn.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án, bao gồm cả tỷ lệ thu hồi, số kinh phí thu hồi, thời gian thu hồi để quay vòng; nghiên cứu, trả lời các kiến nghị, đề xuất của Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã và nhân dân theo thẩm quyền; theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn, kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan; công khai tài chính thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có việc thu hồi, quản lý và sử dụng kinh phí thu hồi để quay vòng theo quy định của pháp luật.

2. Theo dõi, giám sát của cộng đồng

a) Nội dung: Theo dõi, giám sát sự phù hợp của quyết định hỗ trợ với nội dung Quy định này và các quy định có liên quan khác của pháp luật; Theo dõi, kiểm tra việc chủ đầu tư tổ chức triển khai, tiến độ thực hiện hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng của từng dự án trên địa bàn và chấp hành các quy định khác của pháp luật hiện hành; Theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán dự án; Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng, những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện, vận hành dự án; Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án; Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện dự án có liên quan đến hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng.

b) Trình tự, quy trình giám sát của cộng đồng

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan: Lập kế hoạch giám sát của cộng đồng đối với chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng hằng năm trên địa bàn xã; Chủ trì thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng dự án hỗ trợ, thành phần của Ban ít nhất 5 người, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã, Thanh tra nhân dân và đại diện người dân trên địa bàn; Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư dự án về chương trình, kế hoạch đã đề ra và thành phần Ban giám sát đầu tư của cộng đồng chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện; Xác nhận các văn bản phản ánh, kiến nghị của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trước khi gửi các cơ quan có thẩm quyền; Hướng dẫn, động viên cộng đồng tích cực thực hiện quyền giám sát của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư dự án: Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cho Ban giám sát của cộng đồng; Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng

thực hiện việc giám sát theo quy định của pháp luật; Tiếp thu ý kiến giám sát và tăng cường các biện pháp thực hiện dự án.

Ban giám sát đầu tư của cộng đồng: Tổ chức thực hiện giám sát của cộng đồng theo chương trình, kế hoạch đã đề ra; tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi tới các cơ quan quản lý có thẩm quyền theo phân cấp; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý có thẩm quyền theo phân cấp về những kiến nghị của mình; Định kỳ hoặc đột xuất lập và gửi các báo cáo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về kết quả giám sát của cộng đồng.

Điều 7. Quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng

1. Hằng năm, căn cứ mức hỗ trợ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện dự án quyết toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước theo quy định tại Khoản 2, Điều 65 của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ báo cáo quyết toán của đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, các huyện, thành phố xét duyệt/thẩm định quyết toán và tổng hợp vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện cơ chế quay vòng.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

2. Sở Tài chính

Phối hợp các cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Căn cứ dự toán UBND tỉnh giao để phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong cộng đồng theo quy định.

b) Chỉ đạo phòng chuyên môn báo cáo kết quả thực hiện thu hồi, quản lý, sử dụng kinh phí quay vòng 6 tháng và hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp.

c) Kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế quay vòng vốn trong cộng đồng.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị được giao làm chủ đầu tư

a) Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao theo đúng quy định.

b) Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo về Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế tình hình thực hiện dự án của các cộng đồng dân cư để tổng hợp. Đối với các dự án phải tạm dừng, hủy bỏ, sau 03 tháng kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi số kinh phí hỗ trợ, UBND cấp xã và các đơn vị được giao làm chủ đầu tư báo cáo kết quả và số tiền đã nộp vào tài khoản tiền gửi mở tại kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng.

5. Đối với cộng đồng dân cư được tham gia dự án phát triển sản xuất

Thực hiện quản lý, tổ chức việc quay vòng luân chuyển vốn trong cộng đồng theo đúng quy định hiện hành. Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hàng năm và tổng kết, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (*hoặc đơn vị được giao làm chủ đầu tư*) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh sửa đổi bổ sung./.